

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/DS-ST.
Ngày: 07/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thỏ
Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2023/QĐXXST – DS ngày 26/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thái T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1996, là người đại diện ủy quyền theo văn bản lập ngày 20/4/2023 (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Bùi H, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn X (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/4/2023, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn N trình bày:

Vào ngày 27/01/2023 dương lịch ông Thái T và ông Bùi H có thỏa thuận với nhau là ông H sẽ bán cho ông T 300 tấn lúa, loại ST 24, giá 7.300 đồng/kg, ngày giao lúa là từ ngày 15/02/2023 đến ngày 25/02/2023, độ lẫn từ 3%-5%. Ông T đã giao tiền cọc cho ông H số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi

triệu đồng), ông H có viết tay đưa cho ông T một cuốn sổ bằng tập học sinh tựa Hợp đồng mua bán lúa tươi lập ngày 27/01/2023, ông T đã giao tiền cho ông H ngày 27/01/2023; Đến ngày 28/01/2023, các bên giao kết lại bằng hợp đồng mua bán lúa tươi được ông T dự thảo mẫu sẵn và ông T điền thông tin những chỗ còn trống trong hợp đồng cho ông H ký tên chỗ đại diện bên B, có sự chứng kiến của ông Danh D. Hai bên thỏa thuận khi nào ông H giao lúa cho ông T đủ 100 tấn thì sẽ trừ vào tiền cọc là 40.000.000 đồng, việc mua bán lúa thì ông T sẽ mua trực tiếp của người nông dân.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H có giao cho ông T số lúa 54 tấn và không có giao lúa nữa, ông T có liên lạc với ông H thì ông H chỉ hứa cho qua. Do đã có giao số lúa 54 tấn nên ông T đồng ý trừ lại số tiền đặt cọc tương đương là 21.600.000 đồng cho ông H.

Tại phiên tòa hôm nay, ông N rút một phần đơn khởi kiện. Cụ thể ông Thái T chỉ yêu cầu một mình ông Bùi H có trách nhiệm trả lại số tiền đặt cọc 98.400.000 đồng (Chín mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng). Rút yêu cầu khởi kiện buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn X cùng có trách nhiệm liên đới với ông Bùi H trả tiền cọc cho ông T và ông T rút lại yêu cầu ông H trả số tiền khởi kiện 21.600.000 đồng (Hai mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

2/ Quá trình tổ tụng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã được tổng đạt thông báo thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các văn bản tổ tụng theo quy định nhưng đương sự không có lời trình bày.

3/ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS, còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Bùi H trả lại số tiền đặt cọc cho ông Thái T là 98.400.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông H số tiền 21.600.000 đồng; Đình chỉ yêu cầu của ông T buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn X cùng có trách nhiệm liên đới với ông H trả tiền cọc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Thái T vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia

phiên tòa; Bị đơn ông Bùi H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông Thương, ông H, bà X.

[1.2] Theo đơn kiện ông T yêu cầu ông H và bà X cùng trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền đặt cọc 120.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: cụ thể không yêu cầu bà Nguyễn X cùng chịu với ông H trả số tiền cọc cho ông T; Rút một phần tiền đặt cọc số tiền 21.600.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút yêu cầu.

[2] Nguyên đơn ông Thái T yêu cầu bị đơn ông Bùi H trả số tiền đặt cọc là 98.400.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy,

[2.1] Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án một hợp đồng mua bán lúa tươi viết tay trên giấy tập học sinh bằng mực bút bi màu xanh lập ngày 27/01/2023 có nội dung ông H có nhận của ông T số tiền đặt cọc 120.000.000 đồng để ông H bán lúa cho ông T với số lượng 300 tấn, giống lúa ST24. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày khi ông H giao cho ông T đủ 100 tấn thì sẽ trừ lại cho ông H tiền cọc là 40.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H chỉ giao cho ông T số lúa 54 tấn và không tiếp tục giao lúa cho ông T nữa, nay ông T đồng ý trừ số tiền cọc tương đương 54 tấn lúa là 21.600.000 đồng lại cho ông H, chỉ yêu cầu ông H trả số tiền cọc còn nợ 98.400.000 đồng là phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

[2.2] Căn cứ vào khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Việc ông H nhận tiền cọc của ông T nhưng không thực hiện đúng cam kết với ông T nên nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông H trả lại số tiền cọc 98.400.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông H phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền án phí được tính là $98.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.920.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa hoàn toàn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái T về việc yêu cầu ông Bùi H trả số tiền đặt cọc.

Buộc ông Bùi H trả cho ông Thái T số tiền đặt cọc là 98.400.000 đồng (*Chín mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ khi ông Thái T yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Bùi H còn phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Đình chỉ xét xử đối với số tiền ông T yêu cầu ông H trả số tiền đặt cọc là 21.600.000 đồng (*Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn X cùng có trách nhiệm liên đới với ông Bùi H trả số tiền đặt cọc.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.920.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm hai chục nghìn đồng*).

Ông Thái T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu số 0009303 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng